

Số: /QĐ-TTYT

Chợ Đồn, ngày tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 của  
Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHỢ ĐỒN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, thành phố thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn như sau: (theo phụ biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp; Trưởng, phó Khoa, Phòng, Trạm và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (T/hiện);
- Sở Y tế Bắc Kạn (B/c);
- BGD TTYT (Đ/b);
- Phòng HCTH (CK trên trang TTĐT);
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Nông Văn Quân

**DỰ TOÁN**  
**THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày tháng 01 năm 2025  
của Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn)

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO
A	1
<b>I. THU SỰ NGHIỆP</b>	<b>21.500.000.000</b>
<b>1. Các khoản thu</b>	<b>21.500.000.000</b>
<b>1.2. Thu dịch vụ, thu khác</b>	<b>21.500.000.000</b>
Dịch vụ khám chữa bệnh	20.818.000.000
Dịch vụ Methadone	482.000.000
Dịch vụ tiêm chủng	125.000.000
Thu dịch vụ khác	75.000.000
<b>1.3. Chi từ nguồn phí để lại, nguồn thu dịch vụ và nguồn thu khác</b>	<b>21.499.000.000</b>
<b>1.4. Số kinh phí nộp ngân sách</b>	<b>1.000.000</b>
<b>II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>34.085.400.000</b>
<b>3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (423.130)</b>	<b>34.035.400.000</b>
<b>3.1. Hoạt động Y tế dự phòng (423.130.131)</b>	<b>27.508.400.000</b>
3.1.1. Kinh phí thường xuyên hệ Dự phòng	3.940.000.000
3.1.2. Kinh phí thường xuyên hệ xã, phường	19.962.000.000
3.1.3. Kinh phí không thường xuyên	2.577.400.000
3.1.4. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.029.000.000
<b>3.2. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132)</b>	<b>5.621.000.000</b>
3.2.1. Kinh phí thường xuyên	5.408.000.000
3.2.3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	213.000.000
<b>3.3. Hoạt động Y tế khác (423.130.139)</b>	<b>20.000.000</b>
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên	20.000.000
<b>3.4. Hoạt động Dân số (423.130.151)</b>	<b>886.000.000</b>
3.4.1. Kinh phí thường xuyên	841.000.000
3.4.3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	45.000.000
<b>4. Đảm bảo xã hội (423.370.398)</b>	<b>50.000.000</b>
4.2. Kinh phí không thường xuyên	50.000.000